|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  **TỔNG CỤC THỐNG KÊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022* |

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**Về tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2022[[1]](#footnote-1)**

**BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC**

Kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2022 của nước ta diễn ra trong bối cảnh triển vọng kinh tế thế giới trở nên khó khăn hơn khi xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na kéo dài; lạm phát duy trì ở mức cao, nhất là ở châu Âu và Mỹ; xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc gia; thời tiết diễn biến bất thường ở nhiều châu lục… Tăng trưởng kinh tế thế giới được các tổ chức quốc tế dự báo giảm so với các dự báo đưa ra trước đó[[2]](#footnote-2).

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng XIII, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ, ngành, địa phương quyết liệt triển khai quyết liệt, tích cực các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện tích cực, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2022 của nước ta khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực. Hoạt động sản xuất, kinh doanh trong quý III/2022 tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt so với cùng kỳ năm trước (khi nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh, nhất là tại các tỉnh kinh tế trọng điểm phía Nam). Nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ và đạt mức tăng trưởng cao hơn so với thời điểm trước khi dịch Covid-19 xảy ra như: Công nghiệp chế biến, chế tạo; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; xuất khẩu hàng hóa… Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực trong quý III và 9 tháng năm 2022 như sau:

**I. TÌNH HÌNH KINH TẾ**

***1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2022 ước tính tăng khá cao ở mức 13,67% so với cùng kỳ năm trước[[3]](#footnote-3). GDP 9 tháng năm 2022 tăng 8,83% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong giai đoạn 2011-2022, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả.***

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế 9 tháng năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,99% (đóng góp 4,04%); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,44% (đóng góp 41,79%), trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 10,69%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của cùng kỳ các năm 2011, 2017 và 2018[[4]](#footnote-4); khu vực dịch vụ tăng 10,57% (đóng góp 54,17%), trong đó một số ngành dịch vụ thị trường tăng cao như: Bán buôn, bán lẻ tăng 10,24% so với cùng kỳ năm trước; vận tải kho bãi tăng 14,2%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 41,7%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,05%.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,27%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,69%; khu vực dịch vụ chiếm 41,31%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,73%.

Về sử dụng GDP 9 tháng năm 2022, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,26% so với cùng kỳ năm 2021, đóng góp 44,46% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 5,59%, đóng góp 18,46%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,94%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,74%; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 37,08%.

***2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng năm 2022 vẫn duy trì tăng trưởng ổn định mặc dù* *chịu ảnh hưởng bởi thời tiết diễn biến thất thường từ đầu quý II/2022 và giá vật tư đầu vào tăng cao. Sản lượng một số cây lâu năm trọng điểm tăng so với cùng kỳ năm trước; chăn nuôi phát triển ổn định; hoạt động khai thác gỗ triển khai tích cực. Nuôi trồng thủy sản phát triển khá do nhu cầu và giá xuất khẩu các sản phẩm thủy sản trọng điểm như cá tra, tôm nuôi tăng; tuy nhiên khai thác thủy sản biển gặp nhiều khó khăn do giá nhiên liệu ở mức cao.***

***a) Nông nghiệp***

Vụ lúa đông xuân năm 2022 đạt 19,98 triệu tấn, giảm 649 nghìn tấn so với vụ đông xuân năm 2021 chủ yếu do giảm diện tích gieo trồng để chuyển sang đất phi nông nghiệp phục vụ quá trình đô thị hóa, chuyển sang trồng cây lâu năm hoặc chuyển sang nuôi trồng thủy sản cho hiệu quả kinh tế cao hơn; năng suất đạt 67,2 tạ/ha, giảm 1,5 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước vì giá phân bón, thuốc bảo vệ tăng cao người dân giảm lượng sử dụng.

Tính đến trung tuần tháng Chín, diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.505,3 nghìn ha, bằng 100,2% cùng kỳ năm trước. Vụ lúa hè thu năm nay cả nước gieo cấy được 1.915,6 nghìn ha, giảm 38,6 nghìn ha so với vụ hè thu năm trước, trong đó giảm chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long với 32,9 nghìn ha[[5]](#footnote-5). Tính đến ngày 15/9/2022, các địa phương đã thu hoạch được 1.830,1 nghìn ha lúa hè thu, chiếm 95,5% diện tích gieo cấy và bằng 100,3% cùng kỳ năm trước, ước tính năng suất lúa hè thu cả nước năm nay đạt 56,4 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha so với vụ hè thu năm 2021; sản lượng đạt 10,8 triệu tấn, giảm 340 nghìn tấn.

Tính đến giữa tháng Chín, cả nước gieo trồng được 852,2 nghìn ha ngô, bằng 98,5% so với cùng kỳ năm trước; 83,9 nghìn ha khoai lang, bằng 92%; 167,5 nghìn ha lạc, bằng 97,2%; 33 nghìn ha đậu tương, bằng 90,8%; 1.030,6 nghìn ha rau, đậu, bằng 100,8%.

Sản lượng thu hoạch một số cây công nghiệp chủ yếu 9 tháng năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chè búp đạt 891,9 nghìn tấn, tăng 0,7%; cao su đạt 841,3 nghìn tấn, tăng 3,2%; hồ tiêu đạt 267,6 nghìn tấn, tăng 0,5%. Sản lượng thu hoạch một số cây ăn quả đều tăng khá: Chuối đạt 1.832,5 nghìn tấn, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước; cam đạt 989,6 nghìn tấn, tăng 10,1%; xoài đạt 812,4 nghìn tấn, tăng 3,3%; nhãn đạt 531,7 nghìn tấn, tăng 3,5%; bưởi đạt 527,8 nghìn tấn, tăng 6%. Riêng thanh long đạt 701,1 nghìn tấn, giảm 9,6% do giá bán giảm, lượng xuất khẩu thấp nên người dân không chăm bón; nhiều vườn cây thanh long đến tuổi già cỗi, người dân chưa trồng lại.

Chăn nuôi trâu, bò nhìn chung ổn định, dịch viêm da nổi cục dần được kiểm soát nhưng nguy cơ tái phát vẫn còn cao. Chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên ngành vẫn cần tiếp tục triển khai các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, tổ chức tốt việc tiêm vắc xin; giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch mới phát sinh; xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, mua bán trâu, bò trái phép, không rõ nguồn gốc.

**Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Ước tính  quý III/2022 | Cộng dồn  9 tháng/2022 | Tốc độ tăng so với  cùng kỳ năm trước (%) | |
|  | Quý III/2022 | 9 tháng/2022 |
| Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Nghìn tấn) | |  |  |  |
| Thịt trâu | 26,2 | 88,2 | 2,9 | 2,1 |
| Thịt bò | 107,8 | 348,9 | 3,6 | 4,2 |
| Thịt lợn | 1.116,4 | 3.232,7 | 6,0 | 5,8 |
| Thịt gia cầm | 486,4 | 1.467,1 | 4,0 | 4,8 |
| Trứng (Triệu quả) | 4.614,0 | 13.441,1 | 4,4 | 4,7 |
| Sữa (Nghìn tấn) | 314,4 | 932,1 | 10,7 | 10,3 |

***b) Lâm nghiệp***

Diện tích rừng trồng mới tập trung 9 tháng năm 2022 ước đạt 191,2 nghìn ha, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 70,4 triệu cây, tăng 5,4%; sản lượng gỗ khai thác đạt 13,7 triệu m3, tăng 6,2%; sản lượng củi khai thác đạt 13,9 triệu ste, tăng 0,5%.

9 tháng năm 2022, cả nước có 887,9 ha rừng bị thiệt hại[[6]](#footnote-6), giảm 62,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 24,5 ha, giảm 98,3%; diện tích rừng bị chặt, phá là 863,4 ha, giảm 1,6%.

***c) Thủy sản***

Tổng sản lượng thủy sản 9 tháng năm 2022 ước đạt 6.602,8 nghìn tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước (quý III/2022 ước đạt 2.406 nghìn tấn, tăng 2,8%), bao gồm: Cá đạt 4.751,2 nghìn tấn, tăng 1,9%; tôm đạt 886,6 nghìn tấn, tăng 8,8%; thủy sản khác đạt 965 nghìn tấn, tăng 1,1%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng 9 tháng năm 2022 ước đạt 3.611,2 nghìn tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước (quý III/2022 đạt 1.343,5 nghìn tấn, tăng 6,9%), bao gồm: Cá đạt 2.415,6 nghìn tấn, tăng 6,5%; tôm đạt 777,6 nghìn tấn, tăng 10,4%; thủy sản khác đạt 418 nghìn tấn, tăng 5,5%. Nuôi trồng cá tra phát triển khá do giá cá tra nguyên liệu tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng trong những tháng gần đây[[7]](#footnote-7) và nhu cầu thị trường thế giới cũng tăng cao[[8]](#footnote-8). Sản lượng cá tra đạt 1.139,5 nghìn tấn, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước; tôm sú đạt 202,1 nghìn tấn, tăng 2,4%; tôm thẻ chân trắng đạt 533 nghìn tấn, tăng 14,3%.

Sản lượng thủy sản khai thác 9 tháng năm 2022 ước đạt 2.991,6 nghìn tấn, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm trước (quý III/2022 ước đạt 1.062,5 nghìn tấn, giảm 1,9%), bao gồm: Cá đạt 2.335,6 nghìn tấn, giảm 2,5%; tôm đạt 109 nghìn tấn, giảm 1,1%, thủy sản khác đạt 547 nghìn tấn, giảm 2,1%[[9]](#footnote-9).

***3. Sản xuất công nghiệp quý III/2022 tăng trưởng khá do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được duy trì và đang dần phục hồi, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 12,12% so với cùng kỳ năm trước[[10]](#footnote-10). Tính chung 9 tháng năm 2022, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 9,63% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,69%.***

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2022 ước tính tăng 9,63% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 7,16%; quý II tăng 9,51%; quý III tăng 12,12%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,69% (quý I tăng 7,85%; quý II tăng 11,07%; quý III tăng 13,02%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,71%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,03%; ngành khai khoáng tăng 4,42%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng năm 2022 tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2021 (cùng kỳ năm 2021 tăng 2,8%). Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2022 tăng 7,3% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 13,4% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm trước tăng 28,2%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 9 tháng năm 2022 là 76,4% (bình quân 9 tháng năm 2021 là 81,1%).

***4. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động 9 tháng năm 2022 đạt 163,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng năm nay là 3.908,2 nghìn tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 112,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,8% so với 9 tháng năm 2021. Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý IV/2022 với 82,6% doanh nghiệp đánh giá sẽ ổn định và tốt hơn so với quý III/2022.***

***a) Tình hình đăng ký doanh nghiệp****[[11]](#footnote-11)*

Trong tháng Chín, cả nước có 11.466 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 136 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 61,9 nghìn lao động[[12]](#footnote-12), tăng 194,1% về số doanh nghiệp, tăng 117,9% về vốn đăng ký và tăng 24,1% về số lao động so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng năm 2022, cả nước có 112,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.272,3 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 758,1 nghìn lao động, tăng 31,9% về số doanh nghiệp, tăng 6,4% về vốn đăng ký và tăng 16,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đạt 11,3 tỷ đồng, giảm 19,4% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 2.635,9 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 38,7 nghìn lượt doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng năm nay là 3.908,2 nghìn tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 50,5 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 56,1% so với 9 tháng năm 2021, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 9 tháng lên 163,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 18,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Cũng trong 9 tháng năm 2022, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 62,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,7% so với cùng kỳ năm trước; 36,3 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 12,1%; 13,8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 8%. Bình quân một tháng có 12,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

***b) Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp***

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý III/2022 cho thấy: Có 38,6% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn so với quý II/2022; 36,0% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 25,4% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn[[13]](#footnote-13). Dự kiến quý IV/2022, có 48,7% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý III/2022; 33,9% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định và 17,4% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn.

***5. Hoạt động thương mại, vận tải, du lịch tiếp tục phục hồi tích cực. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 ước tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 36,1% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hành khách gấp 3,9 lần và luân chuyển hành khách gấp 5,7 lần so với cùng kỳ năm trước; vận tải hàng hóa tăng 52,6% về vận chuyển và tăng 60,4% về luân chuyển. Khách quốc tế đến nước ta 9 tháng năm 2022 đạt 1.872,9 nghìn lượt người, gấp 16,4 lần so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn giảm 85,4% so với cùng kỳ năm 2019, năm chưa có dịch Covid-19.***

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng năm 2022 ước đạt 4.170,2 nghìn tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 giảm 5%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 16,8% (cùng kỳ năm 2021 giảm 6,6%), trong đó III/2022, đạt 1.450,4 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% so với quý trước và tăng 41,7% so với cùng kỳ năm trước[[14]](#footnote-14). Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng năm 2022 ước đạt 3.300 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 430,9 nghìn tỷ đồng, tăng 54,7%; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 18,2 nghìn tỷ đồng, gấp 3,9 lần; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 421,1 nghìn tỷ đồng, tăng 34,5%.

Trong 9 tháng, vận tải hành khách ước đạt 2.842,3 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 40,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 giảm 23,7%) và luân chuyển đạt 132 tỷ lượt khách.km, tăng 59,4% (cùng kỳ năm trước giảm 30,8%). Vận tải hàng hóa ước đạt 1.492,7 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 giảm 5,2%) và luân chuyển 318,1 tỷ tấn.km, tăng 31% (cùng kỳ năm trước giảm 0,3%).

Doanh thu hoạt động viễn thông 9 tháng năm 2022 ước đạt 248,5 nghìn tỷ đồng, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,6%). Tính đến cuối tháng 9/2022, tổng số thuê bao điện thoại ước đạt 129,2 triệu thuê bao, tăng 1,7% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó số thuê bao di động là 126,6 triệu thuê bao, tăng 2,3%; thuê bao truy nhập internet băng rộng cố định tại thời điểm cuối tháng Chín ước đạt 20,9 triệu thuê bao, tăng 12,2%.

Khách quốc tế đến Việt Nam tháng Chín[[15]](#footnote-15) đạt 431,9 nghìn lượt người, giảm 11,2% so với tháng trước và gấp 45,4 lần so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam đã mở cửa du lịch, các đường bay quốc tế được khôi phục trở lại. Trong tổng số gần 1.872,9 nghìn lượt khách quốc tế đến Việt Nam 9 tháng năm nay, khách đến bằng đường hàng không đạt 1.659,9 nghìn lượt người, chiếm 88,6% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và gấp 22 lần so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 212,5 nghìn lượt người, chiếm hơn 11,3% và gấp 5,5 lần; bằng đường biển đạt 494 lượt người, chiếm 0,03% và tăng 24,1%. Khách đến từ châu Á đạt 1.310,7 nghìn lượt người, gấp 13,3 lần so với cùng kỳ năm trước; khách đến từ châu Âu đạt 261,6 nghìn lượt người, gấp 25,2 lần; khách đến từ châu Mỹ đạt 209,6 nghìn lượt người, gấp 52,6 lần; khách đến từ châu Úc đạt 84,6 nghìn lượt người, gấp 93 lần; khách đến từ châu Phi đạt 6,4 nghìn lượt người, gấp 6,7 lần.

***6. Tăng trưởng tín dụng đạt khá, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế 9 tháng năm 2022. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định, đảm bảo quyền lợi người tham gia bảo hiểm. Thị trường chứng khoán chịu ảnh hưởng từ thị trường chứng khoán toàn cầu khi nhiều quốc gia thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, trong đó mức vốn hóa thị trường cổ phiếu tính đến ngày 16/9/2022 giảm 17,1% so với cuối năm 2021.***

Tính đến thời điểm 20/9/2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 2,49% so với cuối năm 2021 (cùng thời điểm năm 2021 tăng 4,95%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,04% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 4,28%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,54% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 7,17%).

Tổng doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm 9 tháng năm 2022 ước tăng 17% so với cùng kỳ năm trước (quý III/2022 ước tăng 18%), trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ ước tăng 17%, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước tăng 18%.

Trên thị trường cổ phiếu, tính đến ngày 27/09/2022, chỉ số VNIndex đạt 1.166,54 điểm, giảm 8,9% so với cuối tháng trước và giảm 22,14% so với cuối năm 2021. Tính đến ngày 16/9/2022, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 6.437 nghìn tỷ đồng, giảm 17,1% so với cuối năm 2021; giá trị giao dịch bình quân đạt 16.394 tỷ đồng/phiên, giảm 12% so với tháng trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, giá trị giao dịch bình quân đạt 22.743 tỷ đồng/phiên, giảm 14,5% so với bình quân năm trước.

Trên thị trường trái phiếu, tính đến ngày 16/9/2022, giá trị giao dịch bình quân đạt 6.987 tỷ đồng/phiên, tăng 13% so với tháng trước; tính chung 9 tháng năm 2022, giá trị giao dịch bình quân đạt 9.326 tỷ đồng/phiên, giảm 18,2% so với bình quân năm 2021.

Trên thị trường chứng khoán phái sinh, tính đến ngày 16/9/2022, khối lượng giao dịch bình quân sản phẩm hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 đạt 215.090 hợp đồng/phiên, tăng 10% so với tháng trước; tính chung 9 tháng năm 2022 đạt 210.910 hợp đồng/phiên, tăng 12% so với bình quân năm trước.

***7. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 2.130,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước,* *mức tăng này phản ánh đà phục hồi mạnh mẽ của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt 15,4 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ, đạt mức cao nhất 9 tháng của các năm từ 2018 đến nay .***

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành 9 tháng năm 2022 đạt 2.130,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước (quý III/2022 đạt 833,8 nghìn tỷ đồng, tăng 18,1%), bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 544,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 25,6% tổng vốn và tăng 16,1%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.227,1 nghìn tỷ đồng, bằng 57,6% và tăng 10%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 358,3 nghìn tỷ đồng, bằng 16,8% và tăng 16,3%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam[[16]](#footnote-16) tính đến ngày 20/9/2022 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 18,75 tỷ USD, giảm 15,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 1.355 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 7,12 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và giảm 43% về số vốn đăng ký; có 769 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 8,35 tỷ USD, tăng 29,9%; có 2.697 lượt với tổng giá trị góp vốn 3,28 tỷ USD, tăng 1,9% so cùng kỳ năm trước. Trong đó có 1.209 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 1,62 tỷ USD và 1.488 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,66 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 9 tháng năm 2022 ước tính đạt 15,43 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 9 tháng trong 5 năm qua.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 9 tháng năm 2022 có 80 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 347,4 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước; có 15 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 50,9 triệu USD, giảm 87,9%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 398,3 triệu USD, giảm 30,4% so với cùng kỳ năm trước.

***8. Thu ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2022 ước tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước ước tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2021, đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.***

Tổng thu ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2022 đạt 1.327,3 nghìn tỷ đồng, bằng 94% dự toán năm và tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Thu nội địa đạt 1.045,8 nghìn tỷ đồng, bằng 88,9% và tăng 18,8%; thu từ dầu thô đạt 60,1 nghìn tỷ đồng, gấp 2,1 lần và tăng 103,5%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 216,5 nghìn tỷ đồng, bằng 108,8% và tăng 22,1%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2022 ước đạt 1.086,3 nghìn tỷ đồng, bằng 60,9% dự toán năm và tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chi thường xuyên 9 tháng năm 2022 đạt 758,8 nghìn tỷ đồng, bằng 68,3% và tăng 4,6%; chi đầu tư phát triển đạt 253,1 nghìn tỷ đồng, bằng 48,1% và tăng 15,8%; chi trả nợ lãi 72,6 nghìn tỷ đồng, bằng 70% và giảm 9,1%.

***9. Trong tháng Chín, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 58,74 tỷ USD, giảm 11% so với tháng trước và tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 558,52 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,3%; nhập khẩu tăng 13%[[17]](#footnote-17). Cán cân thương mại hàng hóa 9 tháng năm 2022 ước tính xuất siêu 6,52 tỷ USD.***

***a) Xuất nhập khẩu hàng hóa****[[18]](#footnote-18)*

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 9/2022 ước đạt 29,94 tỷ USD, giảm 14,3% so với tháng trước. Trong quý III/2022, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 96,5 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước và giảm 0,5% so với quý II/2022. Tính chung 9 tháng năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 282,52 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 73,22 tỷ USD, tăng 16,4%, chiếm 25,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 209,3 tỷ USD, tăng 17,6%, chiếm 74,1%. Trong 9 tháng năm 2022 có 32 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,9%).

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2022 ước đạt 28,8 tỷ USD, giảm 7,3% so với tháng trước. Trong quý III/2022, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 90,7 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước và giảm 7,1% so với quý II/2022. Tính chung 9 tháng năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 276 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 96,11 tỷ USD, tăng 13,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 179,89 tỷ USD, tăng 12,7%. Trong 9 tháng năm 2022 c**ó 42 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 92,3% tổng kim ngạch nhập khẩu** (có 4 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 45,5%)**.**

Cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ tháng Tám xuất siêu 3,86 tỷ USD[[19]](#footnote-19); 8 tháng năm 2022 xuất siêu 5,38 tỷ USD; tháng Chín ước tính xuất siêu 1,14 tỷ USD. Tính chung 9 tháng năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 6,52 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 3,44 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 22,89 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 29,41 tỷ USD.

***b) Xuất, nhập khẩu dịch vụ***

Trong 9 tháng năm 2022, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 8,2 tỷ USD, tăng 118,4% so với cùng kỳ năm trước (quý III/2022 ước đạt 3,8 tỷ USD, tăng 174,6%), trong đó: Dịch vụ du lịch đạt 1,9 USD (chiếm 24,1% tổng kim ngạch), tăng gấp 18 lần so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ vận tải đạt 3,7 tỷ USD (chiếm 45,8%), tăng 164,1%. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 9 tháng năm 2022 ước đạt 19,4 tỷ USD, tăng 28,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 9,7 tỷ USD (chiếm 49,7% tổng kim ngạch), tăng 25,2%; dịch vụ du lịch đạt 4,7 tỷ USD (chiếm 24,2%), tăng 75,4%. Nhập siêu dịch vụ 9 tháng năm 2022 là 11,2 tỷ USD (trong đó phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu là 6,9 tỷ USD).

***10. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2022 tăng 0,4% so với tháng trước chủ yếu do giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào và một số địa phương tăng học phí năm học mới 2022-2023. So với tháng 12/2021, CPI tháng Chín tăng 4,01% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,94%. CPI bình quân quý III/2022 tăng 3,32% so với quý III/2021. Bình quân 9 tháng năm nay, CPI tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 1,88%. Chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu quý III và 9 tháng năm 2022 đều tăng so với cùng kỳ năm 2021.***

***a) Chỉ số giá tiêu dùng***

Trong mức tăng 0,4% của CPI tháng 9/2022 so với tháng trước có 9 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng và 2 nhóm hàng có chỉ số giá giảm, trong đó nhóm giáo dục có mức tăng cao nhất với 5,84%. Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: Nhóm giao thông giảm 2,23%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,04%.

***b) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ***

Chỉ số giá vàng tháng 9/2022 giảm 1,71% so với tháng trước; tăng 1,34% so với tháng 12/2021; tăng 4,06% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2022 tăng 6,22%.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2022 tăng 0,53% so với tháng trước; tăng 2,87% so với tháng 12/2021 và tăng 3,45% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2022 tăng 0,7%.

***c) Chỉ số giá sản xuất và chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất***

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III/2022 tăng 1,83% so với quý trước và tăng 6,49% so với cùng kỳ năm trước; tương tự, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 0,65% và tăng 4,62%; chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 1,28% và tăng 4,4%. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,05% so với cùng kỳ năm 2021; chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 4,71%; chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 3,34%.

Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý III/2022 tăng 0,91% so với quý trước và tăng 5,92% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 10,29%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,76% dùng cho xây dựng tăng 8,96%.

***d) Chỉ số giá xuất, nhập khẩu hàng hóa***

Quý III/2022, chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa tăng 1,19% so với quý trước và tăng 8,85% so với cùng kỳ năm 2021; chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa tăng 0,65% và tăng 10,15%; tỷ giá thương mại hàng hóa tăng 0,53% và giảm 1,18%. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa tăng 8,31% so với cùng kỳ năm trước; chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa tăng 10,86% ; tỷ giá thương mại hàng hóa giảm 2,3%.

**II. TÌNH HÌNH XÃ HỘI**

***1. Tình hình lao động, việc làm quý III/2022 tiếp tục đà phục hồi, lực lượng lao động, số người đang làm việc và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm giảm so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước.***

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước quý III/2022 ước tính là 51,9 triệu người, tăng 0,2 triệu người so với quý trước và tăng 2,8 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là là 51,6 triệu người, tăng 1,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 9 tháng năm 2022 ước đạt 68,5%, tăng 0,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Lao động 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý III/2022 ước tính là 50,8 triệu người. Tính chung 9 tháng năm nay, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 50,5 triệu người.

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng năm 2022 là 2,35% (quý III/2022 ước tính là 2,28%), trong đó khu vực thành thị là 2,88%; khu vực nông thôn là 2,02%.

Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) 9 tháng năm 2022 ước tính là 7,86% (quý III/2022 là 8,02%), trong đó khu vực thành thị là 9,65%; khu vực nông thôn là 6,91%.

Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ước tính là 2,29% (quý III/2022 là 1,92%), trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 1,75%; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 2,63%

***2. Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện; chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua có tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống người dân khu vực nông thôn.***

Trong 9 tháng năm nay, công tác an sinh xã hội được các cấp từ Trung ương đến địa phương quan tâm thực hiện. Theo báo cáo từ địa phương, giá trị quà tặng cho các đối tượng bảo trợ theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP là 2,1 nghìn tỷ đồng; trị giá tiền, quà thăm hỏi và các hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là gần 1,5 nghìn tỷ đồng; trị giá tiền và quà cho các đối tượng ưu đãi là người có công, thân nhân người có công với cách mạng là 3,4 nghìn tỷ đồng (riêng dịp 27/7 là gần 1,9 nghìn tỷ đồng); hỗ trợ đột biến, bất thường (thiên tai, bão lũ…) phát sinh tại địa phương hơn 4,38 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, có gần 29,7 triệu thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng chính sách trên địa bàn cả nước.

Bên cạnh đó, gói hỗ trợ do ảnh hưởng dịch Covid-19 của Chính phủ tiếp tục được thực hiện. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tính đến ngày 22/9/2022 gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/NQ-CP đã giải ngân khoảng 3.539 tỷ đồng hỗ trợ cho hơn 5 triệu người lao động tại 120.295 doanh nghiệp.

Ngoài ra, để đảm bảo người dân không bị thiếu lương thực, ngày 29/8/2022 Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 1010/QĐ-TTg cấp gạo cứu đói hỗ trợ giáp hạt cho tỉnh Bình Định 1.290,7 tấn gạo và tỉnh Phú Yên 84 tấn gạo. Tính chung 9 tháng năm nay, Chính phủ cấp xuất tổng số hơn 23,3 nghìn tấn gạo hỗ trợ cho 471.343 hộ với 1.558,8 nghìn nhân khẩu.

Đến ngày 26/8/2022, có 5.842/8.225 xã (chiếm 71%) đạt chuẩn nông thôn mới; có 837 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 105 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

***3. Hoạt động giáo dục đào tạo đã trở lại bình thường sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát. Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2021-2022, cả nước có 1.002,4 nghìn thí sinh đăng ký dự thi, trong đó số thí sinh tham dự thi là 989,9 nghìn thí sinh, bằng 98,7% so với số thí sinh đăng ký dự thi. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2021-2022 đạt 98,62%.***

Năm học 2022-2023, cả nước có 15.329 trường mầm non[[20]](#footnote-20), bao gồm 12.071 trường công lập và 3.258 trường ngoài công lập; 25.741 trường phổ thông. Số giáo viên mầm non là 531,8 nghìn người; số giáo viên phổ thông trực tiếp giảng dạy là 828,3 nghìn người. Cũng trong năm học này, cả nước có 5,1 triệu trẻ em đi học mầm non; 18,1 triệu học sinh phổ thông, bao gồm: 9,3 triệu học sinh tiểu học; 6 triệu học sinh trung học cơ sở và 2,8 triệu học sinh trung học phổ thông.

Tính chung 8 tháng năm 2022, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn cả nước đã tuyển sinh được 1.462,3 nghìn người, đạt 70,1% so với kế hoạch năm 2022. Trong đó, các trường cao đẳng và trung cấp nghề tuyển sinh được 162,3 nghìn người, đạt 31%; sơ cấp nghề và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác tuyển sinh 1.300 nghìn người, đạt 83,5%.

***4. Trên thế giới, dự báo dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự đoán với sự xuất hiện của nhiều biến chủng mới[[21]](#footnote-21). Tại Việt Nam, nhiều địa phương đã ghi nhận các biến thể mới, với khả năng lây lan nhanh.***

Tính chung 9 tháng năm 2022, cả nước có 199.518 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (78 trường hợp tử vong); 48.839 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (03 trường hợp tử vong); 215 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (04 trường hợp tử vong); 10 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu và 205 trường hợp sốt phát ban nghi sởi.

Từ ngày 08/3/2021 đến ngày 26/9/2022, tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 259.983,3 nghìn liều, trong đó tiêm mũi 1 là 90.006,1 nghìn liều; tiêm mũi 2 là 84.293,9 nghìn liều; mũi bổ sung là 14.539,1 nghìn liều; mũi nhắc lại lần 1 là 55.778,1 nghìn liều; mũi nhắc lại lần 2 là 15.365,5 nghìn liều.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/9/2022 là 219.266 người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 112.146 người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng 9/2022 xảy ra 03 vụ với 22 người bị ngộ độc. Tính chung 9 tháng năm 2022, cả nước xảy ra 39 vụ với 544 người bị ngộ độc (11 người tử vong).

***5. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa luôn được quan tâm; thể thao phong trào được duy trì, thể thao thành tích cao có những thành tích đáng ghi nhận.***

Các phong trào tập luyện thể dục thể thao quần chúng được đẩy mạnh và tổ chức rộng khắp các địa phương: Tổ chức 08 giải thể thao quần chúng cấp quốc gia và 02 lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ thể dục thể thao cho 322 cán bộ, cộng tác viên, hướng dẫn viên thể dục thể thao cơ sở.

Về thể thao thành tích cao, tổ chức thành công 58 giải thể thao quốc gia và quốc tế. Tổng số huy chương đạt được là 151 huy chương, bao gồm: 44 huy chương vàng, 56 huy chương bạc và 51 huy chương đồng.

***6. Tai nạn giao thông[[22]](#footnote-22) tháng Chín giảm 13,3% so với tháng trước và tăng 69,1% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, số vụ tai nạn giao thông tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước.***

Trong tháng (từ 15/8 đến 14/9), trên địa bàn cả nước đã xảy ra 825 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 560 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 265 vụ va chạm giao thông, làm 438 người chết, 307 người bị thương và 282 người bị thương nhẹ.

Tính chung 9 tháng năm 2022, trên địa bàn cả nước xảy ra 8.313 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 5.785 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 2.528 vụ va chạm giao thông, làm 4.714 người chết, 2.963 người bị thương và 2.583 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 9 tháng năm nay tăng 2,2% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 10,5%; số vụ va chạm giao thông giảm 12,8%); số người chết tăng 13,7%; số người bị thương tăng 9,9% và số người bị thương nhẹ giảm 11,9%. Bình quân 1 ngày trong 9 tháng năm 2022, trên địa bàn cả nước xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông, gồm 21 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 9 vụ va chạm giao thông, làm 17 người chết, 11 người bị thương và 9 người bị thương nhẹ.

***7. Thiên tai, ô nhiễm môi trường và cháy, nổ ảnh hưởng không nhỏ tới cuộc sống của người dân ở một số địa phương***

Tính chung 9 tháng năm nay, thiên tai làm 134 người chết và mất tích; 86 người bị thương; 202,1 nghìn ha lúa và 44,8 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; hơn 253,2 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; gần 19,2 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong 9 tháng năm 2022 ước tính gần 6.617 tỷ đồng, gấp 4,9 lần cùng kỳ năm trước.

Cũng trong 9 tháng năm nay đã phát hiện 16.652 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 14.515 vụ với tổng số tiền phạt là 195,5 tỷ đồng, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước; cả nước xảy ra 1.285 vụ cháy, nổ, làm 104 người chết và 85 người bị thương, thiệt hại ước tính 536,5 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ năm trước./.

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

1. Thông cáo báo chí và Infographics về tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2022 được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê (<https://www.gso.gov.vn)>. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tại thời điểm tháng 9/2022, Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2022 chỉ đạt 2,8%, giảm so với mức dự báo 4,1% tại thời điểm đầu năm 2022. Fitch Ratings điều chỉnh giảm 0,5 điểm phần trăm so với dự báo 2,9% tại thời điểm tháng 6/2022. Quỹ Tiền tệ Quốc tế nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2022 đạt 3,2%, thấp hơn 0,4 điểm phần trăm so với dự báo tại thời điểm tháng 4/2022. [↑](#footnote-ref-2)
3. Do quý III/2021 là thời điểm dịch Covid-19 bùng phát mạnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, tốc độ tăng GDP quý III/2021 giảm 6,03% so với cùng kỳ năm trước. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng các năm 2011-2022 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 12,06%; 8,1%; 5,91%; 6,21%; 8,78%; 10,49%; 10,76%; 11,51%; 9,91%; 3,2%; 5,02%; 10,69%. [↑](#footnote-ref-4)
5. Do chi phí đầu vào tăng cao nên người dân giảm diện tích xuống giống và chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả, cho năng suất thấp sang trồng cây ăn quả, trồng cỏ hoặc chuyển sang nuôi trồng thủy sản cho hiệu quả kinh tế cao hơn. [↑](#footnote-ref-5)
6. Số liệu từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tính đến 15/9/2022. [↑](#footnote-ref-6)
7. <http://www.agromonitor.vn/group/48/280/giam-sat-gia>: Giá cá tra loại 0,8 kg đến 1,0 kg/con đầu quý III/ 2022 dao động trong khoảng 27.000-28.500 đồng/kg; đến tháng 8 năm 2022 dao động 28.500-30.000 đồng/kg và trung tuần tháng 9 năm 2022 ở mức 30.500-31.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg so với cùng thời điểm năm trước. [↑](#footnote-ref-7)
8. <https://vasep.com.vn/>: xuất khẩu cá tra 8 tháng năm 2022 đạt gần 1,8 tỷ USD, tăng 81% so với cùng kỳ năm trước. [↑](#footnote-ref-8)
9. Do giá nhiên liệu tăng cao cùng với tình hình thời tiết ngư trường không thuận lợi vì ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới nên ngư dân hạn chế ra khơi hoặc cho tàu nằm bờ nên sản lượng thủy sản khai thác biển 9 tháng năm 2022 đạt 2.850,1 nghìn tấn, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: Cá đạt 2.240,1 nghìn tấn, giảm 2,6%; tôm đạt 98,8 nghìn tấn, giảm 1,3%. [↑](#footnote-ref-9)
10. Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp quý III năm 2018 và 2019 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là 9,45% và 9,38%. [↑](#footnote-ref-10)
11. Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngày 23/9/2022. [↑](#footnote-ref-11)
12. So với tháng 08/2022, giảm 3,8% về số doanh nghiệp, tăng 4,5% về vốn đăng ký và giảm 17,7% về số lao động. [↑](#footnote-ref-12)
13. Chỉ số tương ứng của quý II/2022: Có 42,1% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn quý trước; 36,3% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 21,6% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn. [↑](#footnote-ref-13)
14. Quý III/2021 là thời điểm bùng phát mạnh làn sóng dịch Covid-19 lần thứ Tư tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý III/2021 chỉ đạt 1.023,4 nghìn tỷ đồng, giảm 19,9% so với cùng kỳ năm trước. [↑](#footnote-ref-14)
15. Kỳ báo cáo từ ngày 21/8/2022-20/9/2022. [↑](#footnote-ref-15)
16. Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhận ngày 22/9/2022. [↑](#footnote-ref-16)
17. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2021 đạt 485,2 tỷ USD, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 240,9 tỷ USD, tăng 18,9%; nhập khẩu đạt 244,3 tỷ USD, tăng 31,4%. [↑](#footnote-ref-17)
18. Ước tính tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu tháng 9/2022 do Tổng cục Hải quan cung cấp ngày 27/9/2022. Tổng cục Thống kê ước tính trị giá xuất, nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu tháng 9/2022 dựa trên số liệu sơ bộ về trị giá xuất, nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu đến hết ngày 25/9/2022 do Tổng cục Hải quan cung cấp. [↑](#footnote-ref-18)
19. Ước tính tháng Tám xuất siêu 2,42 tỷ USD. [↑](#footnote-ref-19)
20. Bao gồm cả nhà trẻ, mẫu giáo và mầm non. [↑](#footnote-ref-20)
21. Từ cuối tháng 12/2019 đến ngày 27/9/2022 trên thế giới có 620.374,9 nghìn trường hợp mắc Covid-19 (6.540,6 nghìn trường hợp tử vong). [↑](#footnote-ref-21)
22. Theo báo cáo nhanh ngày 23/9/2022 của Văn phòng Bộ Công an và Cục Hàng hải Việt Nam (Bộ Giao thông Vận tải). [↑](#footnote-ref-22)